

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày: 30-5-2022
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Phúc.

Ông K’Bửu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Vũ Hoài Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST – DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về vụ việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022; Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số: 71/TB-TA ngày 26 tháng 4 năm 2022; Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số: 72/TB-TA ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Số 75, thôn Đ, xã Đ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1966.

Bà Phan Thị M, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Số 399, thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1963.

Địa chỉ cư trú: Số 06, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T, bà L có mặt; Vợ chồng ông C, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, lời khai của nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Ngày 06/10/2018, bà cho vợ chồng ông C, bà M vay 3.000.000.000đồng, giấy nhận nợ do ông C, bà M viết và ký nhận, bà đã giao đủ cho vợ chồng ông C, bà M 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất miệng 1%/tháng, đã trả lãi được 3 tháng tiền lãi là 90.000.000đồng tức 01 tháng 30.000.000đồng lãi, bà M trả 90.000.000đồng lãi này nhưng không ghi giấy tờ. Đến ngày 25/10/2018 giữa bà và vợ chồng ông C, bà M lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thì vợ chồng ông C, bà M thế chấp cho bà toàn bộ diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ để đảm bảo khoản vay 3.000.000.000đồng ngày 06/10/2018, thời hạn vay là 6 tháng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được Văn phòng Công chứng P công chứng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất chưa đi đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ.

Đến ngày 19/4/2019, giữa bà và vợ chồng ông C, bà M lập hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thì vợ chồng ông C, bà M thế chấp cho bà toàn bộ diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ để đảm bảo khoản vay 3.000.000.000đồng ngày 06/10/2018 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/10/2018 thời hạn 6 tháng thành thời hạn vay là 12 tháng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được Văn phòng Công chứng P công chứng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất chưa đi đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ.

Đến ngày 30/10/2019, giữa bà và vợ chồng ông C, bà M lập hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thì vợ chồng ông C, bà M thế chấp cho bà toàn bộ diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ để đảm bảo khoản vay 3.000.000.000đồng ngày 06/10/2018 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/10/2018 thời hạn 6 tháng thành thời hạn vay là 18 tháng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được Văn phòng Công chứng P công chứng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất chưa đi đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ.

Ngày 05/3/2020, vợ chồng ông C, bà M và bà lập hợp đồng ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền thì vợ chồng ông C, bà M ủy quyền cho bà để bà liên hệ cơ quan nhà nước để cấp đổi, biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông C, bà M.

Đồng thời ngày 05/3/2020 vợ chồng ông C, bà M và bà lập Văn bản thỏa thuận đã được Văn phòng Công chứng T công chứng ngày 05/3/2020. Theo Văn

bản thỏa thuận này thì ông C, bà M đồng ý chuyển nhượng cho bà lô đất có chiều ngang mặt tiền là 16m, chiều dài kéo dài hết đất, trong đó tách thành 02 lô 01 lô 10m mặt tiền và 01 lô 6m mặt tiền nằm trong diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ. Với giá tương đương 02 đất trên là 2.400.000.000đồng. Như vậy, vợ chồng ông C, bà M còn nợ bà 600.000.000đồng.

Ngoài diện tích đất chiều ngang 16m ra, bên ông C, bà M có nghĩa vụ tách thêm 02 lô đất, mỗi lô 5m mặt tiền nữa để thế chấp khoản vay còn lại 600.000.000đồng.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ mang tên ông Nguyễn Văn C do UBND huyện Đ cấp ngày 09/12/1996, số H 166061. Nhưng sau đó hai bên không tách thửa được do không đủ điều kiện tách thửa theo quy định nên không thực hiện. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ mang tên ông Nguyễn Văn C do UBND huyện Đ cấp ngày 09/12/1996, số H 166061 do vợ chồng ông C, bà M giữ.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông C, bà M trả cho bà 3.000.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi với lãi suất 0,69%/tháng, kể từ ngày 06/01/2019 đến nay. Bà yêu cầu hủy bỏ các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận nêu trên.

Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Theo bị đơn bà Phan Thị M trình bày:

Trước ngày 06/10/2018, vợ chồng ông bà có vay tiền bà T, đến ngày 06/10/2018 vợ chồng ông bà chốt lại nợ bà T 3.000.000.000đồng, giấy nhận nợ do vợ chồng ông, bà viết và ký nhận, bà T đã giao đủ cho vợ chồng ông, bà 3.000.000.000đồng (ba tỷ đồng). Hai bên chỉ nói trả lãi suất tháng bao nhiêu bà M không nhớ nhưng bà đã trả lãi được 3 tháng tiền lãi, bà trả lãi nhưng không ghi giấy tờ, không nhớ lãi bao nhiêu 01 tháng. Đến ngày 25/10/2018, giữa bà T và vợ chồng ông C, bà M lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thì vợ chồng ông C, bà M thế chấp cho bà toàn bộ diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ để đảm bảo khoản vay 3.000.000.000đồng ngày 06/10/2018, thời hạn vay là 6 tháng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được Văn phòng Công chứng P công chứng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất chưa đi đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Lúc này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T giữ.

Đến ngày 19/4/2019, giữa bà T và vợ chồng ông, bà lập hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thì vợ chồng ông, bà thế chấp cho bà T toàn bộ diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ để đảm bảo khoản vay 3.000.000.000đồng ngày 06/10/2018 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/10/2018 thời hạn 6 tháng thành thời hạn vay là 12 tháng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được Văn phòng Công chứng P công chứng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất chưa đi đăng ký

giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Lúc này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T giữ.

Ngày 05/3/2020, vợ chồng ông, bà và bà T lập hợp đồng ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền thì vợ chồng ông, bà ủy quyền cho bà để bà liên hệ cơ quan nhà nước để cấp đổi, biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông, bà diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ.

Đồng thời ngày 05/3/2020, vợ chồng ông, bà và bà T lập Văn bản thỏa thuận đã được Văn phòng Công chứng T công chứng ngày 05/3/2020. Theo Văn bản thỏa thuận này thì ông bà đồng ý chuyển nhượng cho bà T lô đất có chiều ngang mặt tiền là 16m, chiều dài kéo dài hết đất, trong đó tách thành 02 lô 01 lô 10m mặt tiền và 01 lô 6m mặt tiền nằm trong diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ. Với giá tương đương 02 đất trên là 2.400.000.000đồng. Như vậy, vợ chồng ông, bà còn nợ bà T 600.000.000đồng.

Ngoài diện tích đất chiều ngang 16m ra, bên ông, bà có nghĩa vụ tách thêm 02 lô đất, mỗi lô 5m mặt tiền nữa để thế chấp khoản vay còn lại 600.000.000đồng nhưng sau đó vợ chồng ông bà không tách thửa được và vợ chồng ông bà đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.456m² đất, thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 33, xã P, huyện Đ mang tên ông Nguyễn Văn C do UBND huyện Đ cấp ngày 09/12/1996, số H 166061 về bà T không còn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà.

Bản thân vợ chồng ông bà vay số tiền 3.000.000.000đồng này về cho người khác vay lại nhưng người ta không có tiền trả cho vợ chồng ông bà nên vợ chồng ông bà chưa có tiền trả cho bà T.

Nay do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông bà xin bà T tiền lãi và vợ chồng ông bà đồng ý trả cho bà T 3.000.000.000đồng tiền nợ gốc. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho ông C, bà M, tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông C, bà M tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông C, bà M nhưng ông C, bà M không có ý kiến gì.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T thừa nhận vợ chồng ông C, bà M đã trả cho bà T được 07 tháng tiền lãi từ ngày 06/10/2018 là 210.000.000đồng, Từ ngày 06/5/2019 đến nay thì chưa trả đồng nào lãi. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông C, bà M trả cho bà 3.000.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày 06/5/2019 đến nay với lãi suất 0.69%/tháng đồng thời yêu cầu hủy bỏ các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đất và sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và văn bản thỏa thuận giữa bà T và vợ chồng ông C, bà M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Đề nghị căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T tiền nợ gốc và lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Ngô Thị T và bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M. Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu vợ chồng ông C, bà M trả cho bà T 3.000.000.000đồng nợ gốc và lãi suất của 3.000.000.000đồng nợ gốc từ ngày 06/5/2019 đến nay với lãi suất 0,69%/tháng, thì thấy rằng:

[2.1] Ngày 06/10/2018, bà T cho vợ chồng ông C, bà M vay 3.000.000.000đồng là có thật ngày 06/10/2018, vợ chồng ông C, bà M viết giấy đã nhận đủ số tiền này của bà T (bút lục 87). Sau đó, vợ chồng ông C, bà M không trả được nên giữa bà T và vợ chồng ông C, bà M lập các văn bản: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 25/10/2018 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bên nhận thế chấp bà Ngô Thị T (bút lục 68-72). Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 19/4/2019 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bên nhận thế chấp bà Ngô Thị T (bút lục 7 - 10). Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 30/10/2019 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bên nhận thế chấp bà Ngô Thị T (bút lục 55-58). Hợp đồng ủy quyền lập ngày 05/3/2020 giữa bên ủy quyền là ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bên được ủy quyền là bà Ngô Thị T (51-54). Văn bản thỏa thuận lập ngày 05/3/2020 giữa ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bà Ngô Thị T (bút lục 73-76) để đảm bảo cho khoản vay này. Tuy nhiên, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất chưa được

đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông C, bà M trả cho bà T 3.000.000.000đồng nợ gốc và lãi suất 0,69%/tháng từ ngày 06/5/2019 đến nay là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, bà M thừa nhận ngày 06/10/2018 vợ chồng bà M vay bà T khoản tiền này nhưng do khó khăn nên chưa trả được cho bà T.

Tại phiên tòa, người làm chứng là bà L khẳng định vợ chồng ông C, bà M có vay bà T 3.000.000.000đồng. Còn sau đó, vợ chồng bà M mang số tiền này cho ai vay lại thì bà không biết, bà không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa bà T và vợ chồng bà M. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho ông C, bà M, tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông C, bà M tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông C, bà M nhưng ông C, bà M không có yự kiến gì. Do đó, cần buộc vợ chồng ông C, bà M có nghĩa vụ trả cho bà T 3.000.000.000đồng nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về khoản tiền lãi, thực tế khi bà T cho vợ chồng ông C, bà M vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận đã nhận của vợ chồng bà M 210.000.000đồng tiền lãi (bảy tháng tiền lãi) tính đến ngày 06/5/2019. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông C, bà M trả cho bà T tiền lãi của số tiền gốc 3.000.000.000đồng từ ngày 06/5/2019 đến nay với lãi suất là 0,69%/tháng là có cơ sở để chấp nhận. Lãi suất được tính như sau: $3.000.000.000\text{đồng} \times 0,69\%/30\text{ ngày} \times 1.103\text{ ngày} = 761.070.000\text{đồng}$ lãi.

[2.3] Đối với với các hợp đồng và văn bản thỏa thuận giữa bà T và vợ chồng ông C, bà M đồng ý hủy bỏ. Do đó, cần tuyên bố hủy bỏ các văn bản này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T nên buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 107.221.400đồng [$72.000.000\text{đồng} + (1.761.070.000\text{đồng} \times 2\%)$] theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 385, 309, 317, 318, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T về vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị T 3.000.000.000đồng nợ gốc và 761.070.000đồng lãi. Tổng cộng là 3.761.070.000đồng (ba tỷ bảy trăm sáu mươi một ngàn không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên bố hủy bỏ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 25/10/2018 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bên nhận thế chấp bà Ngô Thị T. Văn phòng Công chứng P công chứng số 3945, quyển 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/10/2018.

Tuyên bố hủy bỏ Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 19/4/2019 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bên nhận thế chấp bà Ngô Thị T. Văn phòng Công chứng P công chứng số 1558, quyển 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/4/2019.

Tuyên bố hủy bỏ Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 30/10/2019 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bên nhận thế chấp bà Ngô Thị T. Văn phòng Công chứng P công chứng số 3799, quyển 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2019.

Tuyên bố hủy bỏ Văn bản thỏa thuận lập ngày 05/3/2020 giữa ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bà Ngô Thị T. Văn phòng Công chứng T công chứng số 1271, quyển 49 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/3/2020.

Tuyên bố hủy bỏ Hợp đồng ủy quyền lập ngày 05/3/2020 giữa bên ủy quyền là ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M và bên được ủy quyền là bà Ngô Thị T. Văn phòng Công chứng T công chứng số 1272, quyển 49 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/3/2020.

Về án phí: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M có nghĩa vụ liên đới phải chịu 107.221.400đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ngô Thị T 52.225.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà Ngô Thị T đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007937 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được

sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Ngô Thị T có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan, tổ chức liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vũ